

**CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC
ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

Tp. Hồ Chí Minh - Tháng 3 năm 2021

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 6
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng Cân đối kế toán	7 - 8
Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh	9
Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ	10
Thuyết minh Báo cáo tài chính	11 - 33

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

CÔNG TY

Công ty Thoát nước Đô thị là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 5348/QĐ-UB-KT ngày 02/7/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 103490 ngày 06/01/1998, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lại lần thứ nhất số 0300430412 ngày 04/07/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và lần 06 ngày 04/11/2009.

Ngày 16/8/2010 Công ty Thoát nước Đô thị được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300430412 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/8/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31/3/2020.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 31/3/2020 của Công ty là 240.327.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tỷ, ba trăm hai mươi bảy triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Ho Chi Minh City Urban Drainage Company Limited.

Tên viết tắt là: UDC HCMC.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

HỘI ĐỒNG THÀNH VIÊN VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng thành viên và Ban Giám đốc trong năm và đến ngày lập Báo cáo này gồm:

Hội đồng thành viên

Ông Hoàng Hữu Định Quốc	Chủ tịch
Ông Bùi Công Viên	Thành viên

Ban Giám đốc

Ông Nguyễn Hữu Phán	Phó Giám đốc phụ trách
Ông Lý Thọ Đắc	Phó Giám đốc
Ông Diệp Nguyên Thịnh	Phó Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Theo nhận định của Ban Giám đốc, xét trên những khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán CPA VIETNAM - Chi nhánh Tp. Hồ Chí Minh - Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT.

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)


TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập Báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các phán đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong Báo cáo tài chính hay không;
- Thiết kế, thực hiện và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ liên quan tới việc lập và trình bày hợp lý các Báo cáo tài chính để Báo cáo tài chính không bị sai sót trọng yếu kể cả do gian lận hoặc bị lỗi;
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ sách kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính được lập phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý khác có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và vì vậy thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện Ban Giám đốc, 



Nguyễn Hữu Phán

Phó Giám đốc

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

*Số: 106/2021/BCKT-CPA VIETNAM-HCM***BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP**Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020 của
Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh**Kính gửi: Hội đồng Thành viên và Ban Giám đốc
Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, được lập ngày 29 tháng 3 năm 2021, từ trang 07 đến trang 33, bao gồm Bảng Cân đối kế toán cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2020, Báo cáo Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Báo cáo Lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ:

Đến thời điểm phát hành Báo cáo kiểm toán, chúng tôi chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp các khoản công nợ tại ngày 01/01/2020 và ngày 31/12/2020, các thủ tục kiểm toán thay thế khác chưa đem lại cho chúng tôi bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp các khoản công nợ nêu trên. Theo đó, chúng tôi không thể xác định các điều chỉnh cần thiết đối với các khoản phải thu và phải trả đã được ghi nhận và chưa được ghi nhận, cũng như các yếu tố liên quan của Bảng cân đối kế toán, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu (nếu có) và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ. Cụ thể số dư các khoản công nợ chưa thu thập được bằng chứng kiểm toán đầy đủ và thích hợp:

Khoản mục	31/12/2020 VND	01/01/2020 VND
Phải thu của khách hàng	45.878.805.159	73.973.293.301
Trả trước cho người bán	19.056.964.033	16.604.870.134
Phải thu khác	53.726.347.648	29.428.278.476
Phải trả người bán	18.034.690.560	29.681.524.021
Người mua trả trước	9.840.067.923	3.797.505.702
Phải trả khác	10.458.587.183	11.253.036.167

Chúng tôi đã tham gia chứng kiến kiểm kê Hàng tồn kho tại thời điểm 31/12/2020, tuy nhiên với tình hình thực tế, kết quả kiểm kê và các thủ tục kiểm toán thay thế chưa đem lại cho chúng tôi cơ sở để đảm bảo tính hiện hữu của giá trị khoản mục Hàng tồn kho với số tiền 32.495.151.675 VND trên Bảng Cân đối kế toán cũng như những ảnh hưởng của chúng đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Tại ngày 31/12/2020, số dư công nợ phải thu đối tượng Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước TP.HCM với số dư bên có là 18.407.257.721 VND (viết tắt là "Trung tâm"), trong đó phần số dư nợ còn lại phát sinh từ năm 2015, 2016, 2017 và năm 2018 là 36.579.699.025 VND, công nợ còn lại phát sinh từ năm 2014 trở về trước với số dư bên có là 54.986.956.746 VND, chúng tôi chưa có cơ sở để kiểm tra, đối chiếu. Theo đó, với công nợ phát sinh từ năm 2014 trở về trước với số dư bên có 54.986.956.746 VND, chúng tôi chưa có cơ sở để điều chỉnh trên sổ sách cũng như xác định những ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Tại ngày 31/12/2020, số dư công nợ phải thu khác với đối tượng Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước TP.HCM là 3.208.154.743 VND, đây là số tiền Trung tâm đề nghị Công ty chuyển tiền cho Kho bạc Nhà nước liên quan đến Quyết định số 136/QĐ-TTTP-P7 ngày 25/4/2016 của Thanh tra Thành phố về việc thu hồi tiền lương khi Thanh tra Thành phố thanh tra tại Trung tâm cho giai đoạn năm 2011-2013. Tuy nhiên, đến thời điểm hiện nay khoản công nợ này vẫn chưa được thu hồi, đồng thời với các tài liệu hiện có chúng tôi không có cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh số liệu cũng như xác định được những ảnh hưởng của nó đến các chỉ tiêu khác trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Tại ngày 31/12/2020, Công ty đã trích lập chi phí dự phòng nợ phải thu khó đòi với giá trị là 34.262.780.723 VND. Các khoản công nợ này quá hạn từ những năm trước. Ngoài ra, trong năm 2020, Công ty chưa xem xét trích dự phòng bổ sung đối với các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với số tiền là 14.243.238.638 VND. Đến thời điểm phát hành báo cáo này, chúng tôi chưa thu thập được đầy đủ tài liệu cũng như chưa xem xét đánh giá được tuổi nợ chi tiết nên chưa đủ cơ sở để đánh giá được khoản chi phí dự phòng đã ghi nhận này có đầy đủ điều kiện theo quy định hiện hành, cũng như chưa xác định được những điều chỉnh (nếu có) đến Báo cáo tài chính các năm trước và Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Công ty đã ký hợp đồng với Tổng Công ty Điện lực Tp.HCM và đã thực hiện công việc thi công, cung cấp vật tư thiết bị và mua bảo hiểm phần không chuyên điện dự án "Ngâm hóa lưới điện trung hạ thế tuyến Lê Trọng Tấn (từ Gò Mây đến Cầu Bưng) với số tiền ký Hợp đồng tạm tính là 16.316.511.094 VND và chi phí Công ty đã thực hiện là 5.810.507.491 VND. Công ty chưa ghi nhận doanh thu trong năm 2020 với các hợp đồng này do chưa thống nhất khối lượng công việc hoàn thành và chưa được nghiệm thu cũng như chưa được duyệt dự toán công trình. Theo đó, đến thời điểm hiện nay chúng tôi cũng chưa có đầy đủ cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh doanh thu và giá vốn theo quy định liên quan đến khối lượng công việc mà Công ty đã thực hiện trong năm 2020.

Ý kiến Kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng đoạn cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ, Báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Các vấn đề khác:

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán viên Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn UHY; kiểm toán viên này đã đưa ra Báo cáo kiểm toán vào ngày 26/3/2020 có ý kiến ngoại trừ:

- Chưa thu thập được đầy đủ thư xác nhận các khoản nợ tại ngày 31/12/2019 và 01/01/2019, cụ thể:

Khoản mục	31/12/2019 VND	01/01/2019 VND
Phải thu của khách hàng	33.452.150.906	37.501.625.830
Trả trước cho người bán	16.538.470.134	16.271.493.327
Phải thu khác	10.866.945.147	6.966.232.808
Phải trả người bán	8.965.429.131	7.816.422.502
Người mua trả trước	20.034.114.423	1.440.373.348
Phải trả khác	10.806.690.358	10.627.538.398

- Chưa đủ cơ sở để đảm bảo tính hiện hữu của giá trị nguyên liệu, vật liệu và công cụ dụng cụ trong khoản mục Hàng tồn kho trên Bảng Cân đối kế toán tại ngày 31/12/2018 là 8.771.648.202 VND và tại ngày 31/12/2019 là 7.220.372.757 VND.

- Chưa có cơ sở để kiểm tra, đối chiếu số dư công nợ đối tượng Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước TP.HCM đã ứng trước là 18.407.257.721 VND, trong đó phần số dư nợ còn lại phát sinh từ năm 2015, 2016, 2017 và năm 2018 là 36.579.699.025 VND, số dư còn lại phát sinh từ năm 2014 trở về trước với số tiền âm (-) 54.986.956.746 VND.

- Không có cơ sở để thực hiện việc điều chỉnh số dư công nợ phải thu khác với đối tượng Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước TP.HCM là 3.208.154.743 VND, đây là số tiền Trung tâm đề nghị Công ty chuyển tiền cho Kho bạc Nhà nước liên quan đến Quyết định số 136/QĐ-TTTP-P7 ngày 25/04/2016 của Thanh tra Thành phố về việc thu hồi tiền lương khi Thanh tra Thành phố thanh tra tại Trung tâm cho giai đoạn năm 2011-2013.

- Chưa xem xét trích dự phòng bổ sung đối với các khoản công nợ phải thu đã quá hạn thanh toán với số tiền là 26.798.941.852 VND.

- Chưa có đủ cơ sở để thực hiện điều chỉnh doanh thu và giá vốn tương ứng với khối lượng công việc mà công ty đã thực hiện trong công tác duy tu và quản lý, vận hành, kiểm tra, kiểm định, bảo dưỡng trạm xử lý nước thải Tân Quy Đông với Trung tâm điều hành chương trình chống ngập năm 2018 và năm 2019.

Các vấn đề nhấn mạnh

Chúng tôi lưu ý đến người đọc một số thuyết minh trên Báo cáo tài chính đính kèm như sau:

- Tại mục 1.4 của Thuyết minh Báo cáo tài chính: Ngày 24/11/2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6084/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2020, công tác Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa hoàn thành. Do đó, căn cứ theo Nghị định số 126/2017/NĐ-CP ngày 16/11/2017 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì đã quá thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp nên Chủ sở hữu phải điều chỉnh lại thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Chủ sở hữu vẫn chưa có quyết định điều chỉnh thống nhất lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được lập theo mục đích thông thường hàng năm mà không nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.
- Tại thời điểm phát hành báo cáo này, quỹ lương năm 2020 của Công ty đang tạm tính và vẫn chưa được các cơ quan chức năng phê duyệt. Theo đó, quỹ lương năm 2020 sẽ được điều chỉnh sau khi được phê duyệt quyết toán chính thức.

Ý kiến kiểm toán của chúng tôi không bị ảnh hưởng bởi các vấn đề khác và các vấn đề nhấn mạnh nêu trên.



Lưu Minh Tới

Phó Giám đốc phụ trách

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 3920-2017-137-1

Giấy Ủy quyền số 06/2021/UQCN-CPA VIETNAM ngày 02/01/2021 của Chủ tịch HĐTV, Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN CPA VIETNAM - CHI NHÁNH TP. HỒ CHÍ MINH

Thành viên Hãng Kiểm toán Quốc tế INPACT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Đàm Tuấn Anh

Kiểm toán viên

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 5445-2021-137-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
 Tại ngày 31/12/2020

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN (100 = 110+120+130+140+150)	100		289.034.777.590	279.443.150.146
I- Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	92.429.894.672	58.579.262.971
1. Tiền	111		85.149.267.023	54.478.360.588
2. Các khoản tương đương tiền	112		7.280.627.649	4.100.902.383
II- Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	5.000.000.000	5.000.000.000
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		5.000.000.000	5.000.000.000
III- Các khoản phải thu ngắn hạn	130		156.260.138.610	186.248.005.988
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	127.913.728.702	173.011.170.590
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	4.284.856.406	1.961.014.996
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	58.324.334.225	39.349.935.345
4. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi	137	5.6	(34.262.780.723)	(28.074.114.943)
IV- Hàng tồn kho	140	5.7	32.495.151.675	25.628.827.743
1. Hàng tồn kho	141		32.495.151.675	25.628.827.743
V- Tài sản ngắn hạn khác	150		2.849.592.633	3.987.053.444
1. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước	153	5.14	2.849.592.633	3.987.053.444
B - TÀI SẢN DÀI HẠN (200 = 210+220+230+240+250+260)	200		211.516.011.968	223.709.356.703
I Các khoản phải thu dài hạn	210		15.444.394.777	16.301.649.704
1. Trả trước cho người bán dài hạn	212	5.4	15.444.394.777	15.444.394.777
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	-	857.254.927
II Tài sản cố định	220		180.912.369.628	191.418.485.965
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.8	124.118.911.072	134.134.296.989
- Nguyên giá	222		411.944.067.986	410.838.920.486
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(287.825.156.914)	(276.704.623.497)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.9	56.793.458.556	57.284.188.976
- Nguyên giá	228		61.144.213.624	60.651.213.624
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(4.350.755.068)	(3.367.024.648)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240		8.014.072.384	8.014.072.384
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	5.10	8.014.072.384	8.014.072.384
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		-	-
VI Tài sản dài hạn khác	260		7.145.175.179	7.975.148.650
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	7.145.175.179	7.975.148.650
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100+200)	270		500.550.789.558	503.152.506.849

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
 Tại ngày 31/12/2020

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2020	01/01/2020
			VND	VND
A- NỢ PHẢI TRẢ (300 = 310+330)	300		168.156.083.799	170.912.464.613
I- Nợ ngắn hạn	310		160.087.821.834	158.222.142.648
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.12	31.477.368.960	39.782.751.606
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.13	29.842.135.130	22.204.763.423
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	15.669.732.674	24.759.583.127
4. Phải trả người lao động	314		42.399.829.054	53.919.734.509
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.15	514.923.857	791.824.738
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.16	10.458.587.183	11.253.036.167
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.18	5.056.000.000	5.056.000.000
8. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	5.17	19.000.000.000	-
9. Quỹ khen thưởng phúc lợi	322		5.669.244.976	454.449.078
II- Nợ dài hạn	330		8.068.261.965	12.690.321.965
1. Vay và nợ và thuê tài chính dài hạn	338	5.18	3.792.000.000	8.848.000.000
2. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		4.276.261.965	3.842.321.965
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU (400 = 410+430)	400		332.394.705.759	332.240.042.236
I- Vốn chủ sở hữu	410	5.19	329.592.656.379	329.387.992.856
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		239.393.306.678	239.393.306.678
2. Vốn khác của chủ sở hữu	414		58.504.103.734	58.504.103.734
3. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		31.695.245.967	31.490.582.444
- LNST chưa PP lũy kế đến cuối kì trước	421a		31.490.582.444	28.315.282.089
- LNST chưa phân phối kì này	421b		204.663.523	3.175.300.355
II- Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		2.802.049.380	2.852.049.380
1. Nguồn kinh phí	431	5.20	2.802.049.380	2.852.049.380
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300+400)	440		500.550.789.558	503.152.506.849

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập

Phụ trách kế toán

Phó Giám đốc



Phạm Quốc Long



Nguyễn Công Hưng




Nguyễn Hữu Phan

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Cho năm cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

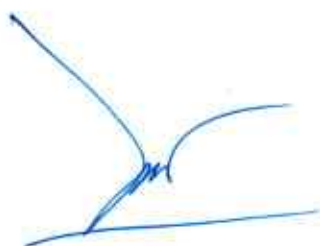
CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2020	Năm 2019
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.21	557.272.070.422	581.117.824.614
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10 = 01-02)	10	5.21	557.272.070.422	581.117.824.614
4. Giá vốn hàng bán	11	5.22	452.846.191.713	476.913.409.331
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20 = 10-11)	20		104.425.878.709	104.204.415.283
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.23	2.213.724.241	1.939.972.071
7. Chi phí tài chính	22	5.24	1.273.454.530	7.074.583.908
Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.273.454.530	7.074.583.908
8. Chi phí bán hàng	25		-	-
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.25	80.559.624.588	80.568.406.945
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh {30 = 20+(21-22)-(25+26)}	30		24.806.523.832	18.501.396.501
11. Thu nhập khác	31	5.26	9.765.521	66.501.144
12. Chi phí khác	32	5.26	856.465.561	22.300.230
13. Lợi nhuận khác (40 = 31-32)	40	5.26	(846.700.040)	44.200.914
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30+40)	50		23.959.823.792	18.545.597.415
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.27	4.963.257.871	3.725.797.060
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60 = 50-51-52)	60		18.996.565.921	14.819.800.355

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập

Phụ trách kế toán

Phó Giám đốc






Phạm Quốc Long

Nguyễn Công Hưng

Nguyễn Hữu Phán

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỔNG HỢP

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

CHỈ TIÊU	MS	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
I. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	23.959.823.792	18.545.597.415
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
- Khấu hao tài sản cố định và BĐSĐT	02	12.104.263.836	15.147.091.570
- Các khoản dự phòng	03	25.188.665.780	18.886.209.637
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	2.213.724.241	(1.919.972.071)
- Chi phí lãi vay	06	1.273.454.530	7.074.583.908
- Các khoản điều chỉnh khác	07	-	749.086.449
3. Lợi nhuận từ HĐKD trước thay đổi vốn lưu động	08	64.739.932.179	58.482.596.908
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09	27.124.271.237	52.123.475.792
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(6.866.323.932)	18.683.044.053
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11	(25.454.697.522)	(4.531.611.921)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12	829.973.471	4.663.415.474
- Tiền lãi vay đã trả	14	(1.273.454.530)	(7.455.030.673)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(3.825.797.060)	(3.449.502.484)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16	3.043.500.000	39.640.000
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(15.598.900.401)	(9.728.519.800)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	42.718.503.442	108.827.507.349
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư			
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TSDH khác	21	(1.598.147.500)	(85.393.000)
2. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	18.308.507.910
3. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	(2.213.724.241)	2.199.215.467
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(3.811.871.741)	20.422.330.377
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ đi vay	33	5.056.000.000	186.416.158.887
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(10.112.000.000)	(312.290.834.662)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(5.056.000.000)	(125.874.675.775)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50 = 20+30+40)	50	33.850.631.701	3.375.161.951
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	58.579.262.971	55.204.101.020
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70 = 50+60+61)	70	92.429.894.672	58.579.262.971

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập



Phạm Quốc Long

Phụ trách kế toán



Nguyễn Công Hưng

Phó Giám đốc




Nguyễn Hữu Phán

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Mẫu B 09 - DN

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

1.1. Hình thức sở hữu vốn

Công ty Thoát nước Đô thị là doanh nghiệp được thành lập theo Quyết định số 5348/QĐ-UB-KT ngày 02/7/1997 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 103490 ngày 06/01/1998, Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh đăng ký lại lần thứ nhất số 0300430412 ngày 04/7/2006 do Sở Kế hoạch Đầu tư TP. Hồ Chí Minh cấp và lần 06 ngày 04/11/2009.

Ngày 16/8/2010 Công ty Thoát nước Đô thị được chuyển đổi thành Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị Thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 2884/QĐ-UBND ngày 05/7/2010 của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Hiện nay, Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300430412 do Sở Kế hoạch Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp lần đầu ngày 16/8/2010 và đăng ký thay đổi lần thứ 9 ngày 31/3/2020.

Vốn điều lệ của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi lần thứ 9 ngày 31/3/2020 của Công ty là 240.327.000.000 VND (*Bằng chữ: Hai trăm bốn mươi tỷ, ba trăm hai mươi bảy triệu đồng*).

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Ho Chi Minh City Urban Drainage Company Limited.

Tên viết tắt là: UDC HCMC.

Trụ sở chính của Công ty tại Số 4 Nguyễn Thiện Thuật, Phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.

Tổng số lao động bình quân của Công ty năm 2020 là 1.496 người (năm 2019 là 1.499 người).

1.2. Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan Giám sát thi công xây dựng công trình cấp thoát nước (xây dựng và hoàn thiện). Khảo sát địa hình công trình xây dựng;
- Hoạt động công ích: quản lý, duy tu sửa chữa hệ thống thoát nước, cửa xả, vớt rác, nạo vét bùn đất kênh rạch;
- Hoạt động kinh doanh khác: xây dựng mới hệ thống thoát nước, xử lý nước thải. Sản xuất, kinh doanh vật tư chuyên ngành. Tư vấn khảo sát thiết kế công trình thoát nước và xử lý nước thải. Kinh doanh địa ốc. Sửa chữa, xây dựng mới mặt đường và vỉa hè. Tư vấn, thiết kế các công trình công nghiệp, dân dụng, kỹ thuật hạ tầng đô thị, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao, công trình thoát nước. Xây dựng các công trình dân dụng, công nghiệp, cầu đường. Xử lý nước thải; thu gom rác thải không độc hại; rác thải độc hại; xử lý và tiêu huỷ rác thải không độc hại; tái chế phế liệu từ bùn và chất thải rắn; rác thải độc hại và không độc hại. Sửa chữa máy móc, thiết bị. Khai thác, xử lý và cung cấp nước. Xây dựng các công trình công ích. Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác;
- Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là hoạt động công ích, thi công các công trình xây dựng. Theo đó chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty đối với hoạt động công ích là ngắn ngày và quay vòng thường xuyên trong năm. Đối với thi công các công trình xây dựng, chu kỳ kinh doanh thông thường phụ thuộc theo tiến độ chung của dự án, công trình, do đó các công trình có thể kéo dài trong 01 năm hoặc hơn.

1.3. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.4. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính

Công ty hoạt động dịch vụ công ích, thi công các công trình xây dựng, nhu cầu của thị trường cũng như các chính sách kích cầu của Nhà nước sẽ ảnh hưởng lớn đến doanh thu. Bên cạnh đó, tình hình và số lượng các Công ty cùng ngành đang ngày càng gia tăng cũng làm ảnh hưởng đáng kể đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Ngoài ra, vấn đề về đầu tư phát triển mở rộng và nâng cấp hạ tầng đô thị cũng như việc Công ty thực hiện tiết kiệm chi phí phù hợp cũng ảnh hưởng lớn đến kết quả hoạt động của Công ty.

Ngày 24/11/2016, Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã ban hành Quyết định số 6084/QĐ-UBND về việc cổ phần hóa Công ty TNHH MTV Thoát nước Đô thị thành phố Hồ Chí Minh. Theo đó, thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa là thời điểm 31/12/2016. Tuy nhiên, đến thời điểm 31/12/2020, công tác Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa vẫn chưa hoàn thành. Do đó, căn cứ theo Nghị định số 126/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính phủ về chuyển doanh nghiệp nhà nước và công ty trách nhiệm hữu hạn một thành viên do doanh nghiệp nhà nước đầu tư 100% vốn điều lệ thành công ty cổ phần thì đã quá thời hạn 12 tháng kể từ thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp đến thời điểm công bố giá trị doanh nghiệp nên Chủ sở hữu phải điều chỉnh lại thời điểm Xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa. Đến thời điểm phát hành Báo cáo tài chính này, Chủ sở hữu vẫn chưa có quyết định điều chỉnh thống nhất lại thời điểm xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty. Do đó, Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020 được lập theo mục đích thông thường hàng năm mà không nhằm phục vụ cho mục đích xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa Công ty.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2020, Công ty 15 xí nghiệp hạch toán phụ thuộc như sau: Xí nghiệp Vận hành bảo dưỡng công trình xử lý nước thải Bình Hưng Hòa, Xí nghiệp Trạm bơm Nhiêu Lộc - Thị Nghè, Xí nghiệp Vận hành bảo dưỡng nhà máy xử lý nước thải Bình Hưng, Xí nghiệp Thoát nước Đông thành phố, Xí nghiệp Thoát nước Tây thành phố, Xí nghiệp Thoát nước Nam thành phố, Xí nghiệp Thoát nước Bắc thành phố, Xí nghiệp TCCT Hạ tầng Kỹ thuật 2, Xí nghiệp Dịch vụ tư vấn Đầu tư Xây dựng, Xí nghiệp Thoát nước số 01, Xí nghiệp Thoát nước số 02, Xí nghiệp Thoát nước số 03, Xí nghiệp Thoát nước số 04, Xí nghiệp Thoát nước số 05, Xí nghiệp Thoát nước số 06.

1.6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Công ty áp dụng nhất quán các chính sách kế toán theo Chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT/BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính ban hành, do đó, thông tin và số liệu trình bày trên Báo cáo tài chính riêng là có thể so sánh được.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

Kỳ kế toán

Kỳ kế toán của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Chế độ và Chuẩn mực kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 và Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21/3/2016 sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư 200/2014/TT-BTC và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam có liên quan do Bộ Tài chính ban hành.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam đã được ban hành và có hiệu lực, liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty sử dụng hình thức kế toán: Chứng từ ghi sổ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng có khả năng thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị chuyển đổi của các khoản này.

Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc trên 03 tháng. Khi lập Báo cáo tài chính, kế toán căn cứ vào kỳ hạn còn lại (dưới 12 tháng hay từ 12 tháng trở lên kể từ thời điểm báo cáo) để trình bày là tài sản ngắn hạn hoặc dài hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn nếu chưa được lập dự phòng phải thu khó đòi theo quy định của pháp luật, kế toán đánh giá khả năng thu hồi để ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ hoặc thuyết minh trên Báo cáo tài chính.

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán nợ phải thu (Tiếp theo)

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc có dấu hiệu khó đòi do khách nợ đã lâm vào tình trạng phá sản hoặc đang làm thủ tục giải thể, mất tích, bỏ trốn.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh. Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên và tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ bao gồm các chi phí vật tư trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sử dụng máy thi công, chi phí sản xuất chung phát sinh lũy kế đến ngày kết thúc giai đoạn liên quan đến giá thành sản phẩm xây lắp và hàng hóa bất động sản. Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang cuối kỳ còn bao gồm giá thành của các nhà thầu phụ và của các xí nghiệp được khoán thi công đã thực hiện hoàn thành nhưng chưa được xác định tiêu thụ trong năm tài chính.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm kết thúc niên độ kế toán.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 của Bộ Tài chính về chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định, Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13/10/2016 của Bộ Tài chính về sửa đổi, bổ sung Thông tư 45/2013/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 28/TT-BTC ngày 12/4/2017 của Bộ Tài chính về sửa đổi bổ sung Thông tư 45/2015/TT-BTC ngày 25/4/2013 và Thông tư số 147/TT-BTC ngày 13/10/2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

a. Nguyên tắc kế toán

Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi, lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

Đối với các tài sản cố định khác nguyên giá 58.504.103.734 VND: Công ty không trích khấu hao do không thuộc sở hữu của Công ty. Công ty chỉ tạm tăng theo các quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành Phố và Sở tài chính. Tham chiếu tại thuyết minh số 5.8

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình là các phần mềm máy quản lý, phần mềm kế toán, phần mềm tính toán thủy lực và các phần mềm khác. Phần mềm quản lý được trích khấu hao theo phương pháp đường thẳng từ 08-10 năm, phần mềm kế toán khấu hao trong 05 năm, các phần mềm khác khấu hao từ 03-10 năm

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Số năm khấu hao
Nhà cửa và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước: được ghi nhận theo giá gốc và được phân loại theo ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán căn cứ vào thời gian trả trước của từng hợp đồng.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay, và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

Nguyên tắc ghi nhận vay

Bao gồm các khoản tiền vay, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai. Công ty theo dõi các khoản vay chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Chi phí liên quan trực tiếp đến khoản vay được ghi nhận vào chi phí tài chính, ngoại trừ các chi phí phát sinh từ khoản vay riêng cho mục đích đầu tư, xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì được vốn hóa theo Chuẩn mực Kế toán Chi phí đi vay.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán "Chi phí đi vay".

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Công ty ghi nhận chi phí phải trả bao gồm: Chi phí nhân công, vật tư, nhiên liệu: trích trước theo hồ sơ dự toán trên cơ sở khối lượng công việc hoàn thành

Nguyên tắc ghi nhận các khoản dự phòng phải trả

- Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thỏa mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giám sát về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Và đưa ra một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.
- Giá trị được ghi nhận của một khoản dự phòng phải trả là giá trị được ước tính hợp lý nhất về khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ hiện tại tại ngày kết thúc năm tài chính. Các khoản dự phòng phải trả của Công ty là quỹ lương dự phòng theo Quyết định số 412/QĐ-TN&ĐT-TCNS ngày 31/12/2020

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

Nguyên tắc kế toán ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau:

- Khi có biên bản bàn giao, quyết toán khối lượng công trình hoàn thành và biên bản thanh lý hợp đồng chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích cho khách hàng;
- Không còn nắm giữ quyền quản lý các công trình hoàn thành như là người sở hữu các công trình hoặc quyền kiểm soát các công trình;
- Doanh thu được xác định một cách tương đối chắc chắn;
- Đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ việc chuyển giao các công trình hoàn thành;
- Xác định được chi phí liên quan đến các công trình đã hoàn thành.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu được ghi nhận khi kết quả giao dịch được xác định một cách đáng tin cậy và Công ty có khả năng thu được các lợi ích kinh tế từ giao dịch này. Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi có bằng chứng về tỷ lệ dịch vụ cung cấp được hoàn thành tại ngày kết thúc niên độ kế toán (hoặc kỳ kế toán).

Công ty thực hiện điều chỉnh doanh thu căn cứ theo năm mà hai bên ký thống nhất lại quyết toán doanh thu sau khi có sự thay đổi về đơn giá.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, (kể cả chi phí khấu hao; chi phí sửa chữa; chi phí nhượng bán,...) được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Đối với chi phí nguyên vật liệu trực tiếp tiêu hao vượt mức bình thường, chi phí nhân công, chi phí sản xuất chung cố định không phân bổ vào giá trị sản phẩm nhập kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán (sau khi trừ đi các khoản bồi thường, nếu có) kể cả khi sản phẩm, hàng hóa chưa được xác định là tiêu thụ.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại và các loại thuế khác

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.
- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoãn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất trên thu nhập chịu thuế phù hợp với quy định về pháp luật thuế hiện hành.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Ước tính kế toán

Việc lập Báo cáo tài chính tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán (doanh nghiệp) Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Ban Giám đốc của Công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Tiền mặt	234.702.099	148.362.367
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	84.914.564.924	54.329.998.221
Các khoản tương đương tiền (i)	7.280.627.649	4.100.902.383
Tổng	92.429.894.672	58.579.262.971

(i) Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn từ 1 tháng đến 3 tháng với lãi suất từ 4,3%/năm đến 4,7%/năm.

5.2 Đầu tư tài chính ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Sài Gòn	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000
Tổng	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

Tiền gửi có kỳ hạn tại các Ngân hàng thương mại có kỳ hạn 06 tháng với lãi suất 5,4%/năm.

5.3 Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Trung tâm Quản lý Hạ tầng Kỹ thuật TP.HCM	68.069.974.662	97.174.429.999
Các khách hàng khác	59.843.754.040	75.836.740.591
Tổng	127.913.728.702	173.011.170.590

5.4 Trả trước cho người bán ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2020	31/12/2020
	VND	VND
a) Ngắn hạn	4.284.856.406	1.961.014.996
Công ty CP Thiết kế và Xây dựng Á Châu	568.000.000	-
Công ty TNHH xây dựng hạ tầng Thái Long	993.340.148	-
Các đối tượng còn lại	2.723.516.258	1.961.014.996
b) Dài hạn	15.444.394.777	15.444.394.777
Công ty TNHH Rungsupcharoenkit Tunnelling	12.000.000.000	12.000.000.000
Ban Bồi thường GPMBQ Bình Thạnh	1.384.805.575	1.384.805.575
Công ty CP thiết bị Phụ Tùng	1.197.229.696	1.197.229.696
Công ty CP Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II	400.000.000	400.000.000
Các đối tượng còn lại	462.359.506	462.359.506
Tổng	19.729.251.183	17.405.409.773

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.5 Phải thu khác

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
a) Ngán hạn	58.324.334.225	152.320.000	39.349.935.345	152.320.000
Ký quỹ ký cược (i)	44.478.104.081	-	22.487.392.199	-
Tạm ứng	9.218.720.208	-	11.042.159.796	-
Phải thu về cổ phần hóa (ii)	369.400.000	-	369.400.000	-
Lãi dự thu	-	-	77.950.636	-
Nguyễn Thị Sang (tiền lương chi vượt)	507.324.754	-	507.324.754	-
Nguyễn Trọng Luyện (tiền lương chi vượt)	358.523.166	-	358.523.166	-
Xí nghiệp TNLV Nam Thành Phố (tiền ăn trưa chi vượt)	31.787.273	-	31.787.273	-
Liên hiệp Khoa học sản xuất công nghệ hóa học	112.320.000	112.320.000	112.320.000	112.320.000
Công ty TNHH Hồng Lĩnh	40.000.000	40.000.000	40.000.000	40.000.000
Khoản tiền phạt đã nộp cho Kho bạc Nhà nước do Thanh tra thành phố thanh tra năm 2011-2013 tại Trung tâm điều hành chống ngập	3.208.154.743	-	3.208.154.743	-
Phải thu tiền lương ông Nguyễn Quốc Thái	-	-	265.200.000	-
Công ty cổ phần đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng Hoàng Nguyễn (chuyển nhằm tiền thanh toán hàng hóa)	-	-	711.945.696	-
Các khoản phải thu khác	-	-	137.777.082	-
b) Dài hạn				
Ký quỹ ký cược	-	-	857.254.927	-
Phải thu khác	-	-	857.254.927	-
Tổng	58.324.334.225	152.320.000	40.207.190.272	152.320.000

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐỒ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.6 Nợ xấu

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Công ty TNHH Rungsupcharoenkit Tunnelling	12.000.000.000	-	12.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II	400.000.000	-	400.000.000	-
Chi nhánh Tổng Công ty Sông Hồng tại Tp.HCM	300.000.000	-	300.000.000	-
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	2.482.771.892	-	2.482.771.892	-
Công ty cổ phần kinh doanh nhà Thừa Thiên Huế	1.863.447.290	559.034.187	1.863.447.290	559.034.187
Công ty liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	2.168.555.545	650.566.663	2.218.770.545	700.781.663
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	1.311.363.878	-	1.311.363.878	-
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Kỹ thuật Tin Nghĩa	1.074.686.218	-	-	-
Công ty TNHH MTV Cựu Chiến Binh Thành phố Hồ Chí Minh	5.113.979.562	-	-	-
Các khoản khác	26.043.960.877	17.286.383.689	13.626.030.141	4.868.452.953
Tổng	52.758.765.262	18.495.984.539	34.202.383.746	6.128.268.803

Trong đó:

	Quá hạn dưới 1 năm	Quá hạn 1-dưới 2 năm	Quá hạn 2-dưới 3 năm	Quá hạn trên 3 năm
Công ty TNHH Rungsupcharoenkit Tunnelling	-	-	-	12.000.000.000
Công ty Cổ phần Tư vấn Xây dựng Thủy Lợi II	-	-	-	400.000.000
Chi nhánh Tổng Công ty Sông Hồng tại Tp.HCM	-	-	-	300.000.000
Khu quản lý giao thông đô thị số 1	-	-	-	2.482.771.892
Công ty cổ phần kinh doanh nhà Thừa Thiên Huế	-	-	-	1.863.447.290
Công ty liên doanh TNHH Khu công nghiệp Việt Nam - Singapore	-	-	-	2.168.555.545
Công ty Cổ phần Constrexim Meco	-	-	-	1.311.363.878
Công ty Cổ phần Đầu tư thương mại dịch vụ Kỹ thuật Tin Nghĩa	-	-	-	1.074.686.218
Công ty TNHH MTV Cựu Chiến Binh Thành phố Hồ Chí Minh	-	-	-	5.113.979.562
Các khoản nợ phải thu khó đòi khác	-	6.894.538.170	2.684.922.719	16.464.499.988
Tổng	-	6.894.538.170	2.684.922.719	43.179.304.373

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÓ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.7 Hàng tồn kho

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	7.489.805.082	-	6.668.584.027	-
Công cụ, dụng cụ	750.511.659	-	551.788.730	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	24.254.834.934	-	18.408.454.986	-
Tổng	32.495.151.675	-	25.628.827.743	-

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị dụng cụ quản lý	TSCD hữu hình khác	Đơn vị tính: VND
NGUYỄN GIÁ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	46.822.487.304	75.219.467.266	222.397.690.560	7.895.171.622	58.504.103.734	410.838.920.486
Tăng trong năm	2.581.722.092	406.500.000	-	698.647.500	1.724.152.453	5.411.022.045
Mua trong năm	-	406.500.000	-	698.647.500	-	1.105.147.500
Lưu chuyển nội bộ	2.581.722.092	-	-	-	1.724.152.453	4.305.874.545
Giảm trong năm	-	3.425.954.544	252.000.000	627.920.001	-	4.305.874.545
Lưu chuyển nội bộ	-	3.425.954.544	252.000.000	627.920.001	-	4.305.874.545
Số dư tại ngày 31/12/2020	49.404.209.396	72.200.012.722	222.145.690.560	7.965.899.121	60.228.256.187	411.944.067.986
GIÁ TRỊ HAO MÓN LŨY KẾ						
Số dư tại ngày 01/01/2020	14.965.524.604	64.069.257.789	191.269.012.526	6.400.828.578	-	276.704.623.497
Tăng trong năm	1.844.685.180	2.866.281.730	10.115.501.092	679.498.076	1.765.360.685	17.271.326.763
Khấu hao trong năm	1.844.685.180	2.303.161.275	8.199.540.030	679.498.076	1.50.708.232	13.177.592.793
Phân loại lại số đầu năm	-	563.120.455	1.915.961.062	-	1.614.652.453	4.093.733.970
Giảm trong năm	4.223.083.110	83.585.953	-	703.470.164	1.140.654.119	6.150.793.346
Giảm khác (*)	1.121.721.377	83.585.953	-	53.091.971	798.660.076	2.057.059.377
Phân loại lại số đầu năm	3.101.361.733	-	-	650.378.193	341.994.043	4.093.733.969
Số dư tại ngày 31/12/2020	12.587.126.674	66.851.953.566	201.384.513.618	6.376.856.490	624.706.566	287.825.156.914
GIÁ TRỊ CÒN LẠI						
Tại ngày 01/01/2020	31.856.962.700	11.150.209.477	31.128.678.034	1.494.343.044	58.504.103.734	134.134.296.989
Tại ngày 31/12/2020	36.817.082.722	5.348.059.156	20.761.176.942	1.589.042.631	59.603.549.621	124.118.911.072

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 là 232.626.199.243 VND (ngày 01/01/2020 là 225.835.599.834 VND).

(*) Điều chỉnh phân loại lại số dư đầu năm.

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.8 Tài sản cố định hữu hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định khác tạm tăng theo các quyết định của Ủy ban Nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh và Sở tài chính. Công ty không thực hiện trích khấu hao. Cụ thể:

Stt	Số quyết định	Ngày	Nội dung	Giá trị (VND)
1	4815/QĐ-UBND	22/10/2007	Dự án "Sản xuất các phay điều tiết nước và van một chiều"	409.232.647
2	4616/QĐ-STC	16/05/2011	Dự án "Cải tạo hệ thống thoát nước đường Phạm Thế Hiển - Quận 8 đoạn từ cầu Nhị Thiên Đường đến cầu Mật"	11.390.613.399
3	3042/QĐ-UBND	14/06/2011	Dự án "Cải tạo Rạch Cầu Mé quận 11 giải quyết ngập khu vực Minh Phụng - Hàn Hải Nguyên"	16.063.960.127
4	7997/QĐ-STC-ĐTSC	28/07/2011	Dự án "Đầu tư Lắp đặt hệ thống thoát nước đường An Dương Vương giải quyết khu vực mũi tàu Phú Lâm quận 6"	20.737.487.689
5	4694/QĐ-STC	28/05/2012	Dự án "Đầu tư Giải quyết ngập cho khu vực các đường quận 1 - Cô Giang - Cô Bắc - Nguyễn Khắc Nhu - Nguyễn Cư Trinh - Nguyễn Thái Học - Lê Lai"	9.902.809.872
Tổng				58.504.103.734

5.9 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

	Quyền sử dụng đất (i)	Phần mềm máy tính	Cộng
NGUYÊN GIÁ			
Số dư tại ngày 01/01/2020	54.865.551.124	5.785.662.500	60.651.213.624
Tăng trong năm	-	493.000.000	493.000.000
Mua trong năm	-	493.000.000	493.000.000
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại ngày 31/12/2020	54.865.551.124	6.278.662.500	61.144.213.624
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ			
Số dư tại ngày 01/01/2020	-	3.367.024.648	3.367.024.648
Tăng trong năm	-	983.730.420	983.730.420
Khấu hao trong năm	-	983.730.420	983.730.420
Giảm trong năm	-	-	-
Số dư tại 31/12/2020	-	4.350.755.068	4.350.755.068
GIÁ TRỊ CÒN LẠI			
Tại ngày 01/01/2020	54.865.551.124	2.418.637.852	57.284.188.976
Tại ngày 31/12/2020	54.865.551.124	1.927.907.432	56.793.458.556

(i) Đây là Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 10, tờ bản đồ số 29 tại địa chỉ số 04 đường Nguyễn Thiện Thuật, phường 24, quận Bình Thạnh, Tp. HCM với diện tích đất là 1.084,4 m², hình thức sử dụng đất là sử dụng riêng, mục đích sử dụng đất là đất thương mại, dịch vụ (làm văn phòng công ty), thời hạn sử dụng đất lâu dài và nguồn gốc lô đất này là công nhận Quyền sử dụng đất như Nhà nước giao đất có thu tiền sử dụng đất.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31/12/2020 685.290.500 VND (tại ngày 01/01/2020 là 685.290.500 VND).

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.10 Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầu tư bãi đậu xe Bình Mỹ, Củ Chi	7.203.840.270	7.203.840.270
Chi phí chuyển nhượng quyền sử dụng đất đầu tư bãi đỗ bùn Trung An, Củ Chi	526.312.114	526.312.114
Chi phí lập Báo cáo nghiên cứu khả thi, thiết kế thi công và tổng dự toán "Triển khai các giải pháp phần mềm tại Công ty"	283.920.000	283.920.000
Tổng	8.014.072.384	8.014.072.384

5.11 Chi phí trả trước dài hạn

	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	139.820.280	279.640.561
Chi phí phần mềm chương trình	-	223.917.121
Chi phí thuê đất (i)	7.005.354.899	7.189.814.219
Chi phí khác chờ phân bổ	-	281.776.749
Tổng	7.145.175.179	7.975.148.650

(i) Tiền thuê đất tại Lô 6, Cụm Công nghiệp Nhị Xuân theo Hợp đồng nguyên tắc số 124/HĐ-TNĐT-QLDA.TN ngày 23/7/2010 đến ngày 09/01/2058 nhằm phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh.

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÓ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.12 Phải trả người bán ngắn hạn

	31/12/2020 (VND)		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ	Giá trị ghi số	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Ba An	2.758.151.378	2.758.151.378	5.006.591.917	5.006.591.917
Các khoản phải trả người bán khác	28.719.217.582	28.719.217.582	34.776.159.689	34.776.159.689
Tổng	31.477.368.960	31.477.368.960	39.782.751.606	39.782.751.606

5.13 Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	31/12/2020		01/01/2020	
	VND	VND (Trình bày lại)	VND	VND (Trình bày lại)
Trung tâm điều hành chương trình chống ngập nước Tp. Hồ Chí Minh	18.407.257.721	18.407.257.721		
Công ty TNHH Trung Nam BT 1547	2.170.649.000	2.170.649.000		
Trung Tâm Quản Lý Hạ Tầng Kỹ Thuật TP.HCM	1.197.104.382	-		
Ban quản lý dự án và Phát triển quỹ đất thành phố Mỹ Tho	4.317.390.000	-		
Các đối tượng còn lại	3.749.734.027	1.626.856.702		
Tổng	29.842.135.130	22.204.763.423		

5.14 Thuế và các khoản phải nộp/phải thu Nhà nước

	01/01/2020 (VND)		Số phải nộp trong năm		Số đã nộp trong năm		31/12/2020 (VND)	
Phải nộp								
Thuế GTGT	24.759.583.127	37.980.775.842	37.980.775.842	47.070.626.295	15.669.732.674			
Thuế thu nhập cá nhân	24.632.593.019	36.788.309.785	36.788.309.785	46.047.382.042	15.373.520.762			
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	126.990.108	1.175.466.057	1.175.466.057	1.006.244.253	296.211.912			
Phải thu								
Thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa	3.987.053.444	4.963.257.871	4.963.257.871	3.825.797.060	2.849.592.633			
	3.987.053.444	4.963.257.871	4.963.257.871	3.825.797.060	2.849.592.633			

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ AN GIANG
 Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.15 Chi phí phải trả ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Chi phí lãi vay	60.243.128	109.528.956
Chi phí xây dựng trụ sở văn phòng	454.680.729	682.295.782
Tổng	514.923.857	791.824.738

5.16 Phải trả khác ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	191.610.486	172.830.304
Bảo hiểm xã hội	-	100.685.201
Phải trả theo Biên bản Chi Cục Tài chính năm 2012	-	1.921.327.239
Tiền thuê đất được hoàn	-	1.860.336.000
Công ty TNHH xây dựng hạ tầng Thái Long	2.774.148.059	2.774.148.059
Phải trả cho các Xi nghiệp trực thuộc	3.887.937.746	3.887.937.746
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.604.890.892	535.771.618
Tổng	10.458.587.183	11.253.036.167

5.17 Dự phòng phải trả ngắn hạn	31/12/2020	01/01/2020
	VND	VND
Quỹ lương dự phòng theo QĐ 412/QĐ-TNĐT-TCNS ngày 31/12/2020	19.000.000.000	-
Tổng	19.000.000.000	-

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÓ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.18 Các khoản vay ngắn hạn và dài hạn

	31/12/2020 (VND)		Trong năm		01/01/2020 (VND)	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
a) Vay dài hạn đến hạn trả	5.056.000.000	5.056.000.000	5.056.000.000	5.056.000.000	5.056.000.000	5.056.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	5.056.000.000	5.056.000.000	5.056.000.000	5.056.000.000	5.056.000.000	5.056.000.000
b) Vay dài hạn	3.792.000.000	3.792.000.000	-	5.056.000.000	8.848.000.000	8.848.000.000
Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương	3.792.000.000	3.792.000.000	-	5.056.000.000	8.848.000.000	8.848.000.000
Tổng	8.848.000.000	8.848.000.000	5.056.000.000	10.112.000.000	13.904.000.000	13.904.000.000

Chi tiết khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2020:

Ngân hàng TMCP Sài Gòn Công thương – Hội sở

Số hợp đồng : 51/2017/HDTDHMDP-PN ngày 02/11/2017;

Hạn mức vay : 20.000.000.000 VND;

Mục đích vay : Bổ sung nguồn vốn để thanh toán cho các chi phí liên quan đến việc Xây dựng "Trụ sở Công ty TNHH MTV Thoát nước đô thị TP.HCM";

Thời hạn cấp hạn mức : Từ ngày 09/9/2020 đến ngày 31/8/2021;

Thời hạn hiệu lực của hạn mức vay : Thời hạn vay 24 tháng, kể từ ngày giải ngân lần đầu tiên;

Lãi suất : 9%/ năm;

Biện pháp đảm bảo : Quyền sử dụng 1.084,4 m2 đất thương mại, dịch vụ (làm văn phòng công ty) tại địa chỉ số 4 đường Nguyễn Thiện Thuật, Phường 24, Quận Bình Thạnh, TP.HCM theo hợp đồng đảm bảo số 60/HDBĐ-2017;

Số dư nợ gốc tại ngày 31/12/2020 : 8.848.000.000 VND.

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.19 Vốn chủ sở hữu

a. Đối chiếu vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Vốn khác của chủ sở hữu	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2019	239.393.306.678	58.504.103.734	28.315.282.089	326.212.692.501
Tăng trong năm	-	-	14.819.800.355	14.819.800.355
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	14.819.800.355	14.819.800.355
Giảm trong năm	-	-	11.644.500.000	11.644.500.000
Tạm trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi, khen thưởng ban điều hành năm 2019 (i)	-	-	11.644.500.000	11.644.500.000
Số dư tại ngày 31/12/2019	239.393.306.678	58.504.103.734	31.490.582.444	329.387.992.856
Số dư tại ngày 01/01/2020	239.393.306.678	58.504.103.734	31.490.582.444	329.387.992.856
Tăng trong năm	-	-	18.996.565.921	18.996.565.921
Lợi nhuận trong năm nay	-	-	18.996.565.921	18.996.565.921
Giảm trong năm	-	-	18.791.902.398	18.791.902.398
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi (i)	-	-	18.524.152.398	18.524.152.398
Quỹ thưởng BQL điều hành năm 2020 (i)	-	-	267.750.000	267.750.000
Số dư tại ngày 31/12/2020	239.393.306.678	58.504.103.734	31.695.245.967	329.592.656.379

(i) Công ty tạm thực hiện phân phối lợi nhuận sau thuế theo Nghị định 91/2015/NĐ-CP ngày 01/12/2015 và Thông tư số 219/2015/TT-BCT ngày 31/12/2015. Theo đó, Công ty tạm phân phối lợi nhuận năm 2020: Trích quỹ khen thưởng phúc lợi là 3 tháng lương bình quân thực hiện và ban điều hành là 1,5 tháng lương bình quân thực hiện; lợi nhuận sau thuế còn lại Công ty nộp về ngân sách Nhà nước. Công ty có trách nhiệm điều chỉnh phù hợp với Quyết định phê duyệt phân phối lợi nhuận của Chủ sở hữu.

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.19 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu**

	Tại ngày 31/12/2020		Tại ngày 01/01/2020	
	Tỷ lệ	Vốn điều lệ (VND)	Tỷ lệ	Vốn điều lệ (VND)
Ủy Ban Nhân dân thành phố Hồ Chí Minh	100%	239.393.306.678	100%	239.393.306.678
Tổng	100%	239.393.306.678	100%	239.393.306.678

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và nộp lợi nhuận về Nhà nước

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Vốn góp tại ngày 01/01/2020	239.393.306.678	239.393.306.678
Vốn góp tại ngày 31/12/2020	239.393.306.678	239.393.306.678
Nộp về ngân sách Nhà nước	-	-

5.20 Nguồn kinh phí

	31/12/2020 VND	31/12/2020 VND
Nguồn kinh phí đầu năm	2.852.049.380	2.852.049.380
Nguồn kinh phí hoàn lại trong năm	-	-
Chi sự nghiệp	50.000.000	-
Nguồn kinh phí còn lại cuối năm	2.802.049.380	2.852.049.380

5.21 Doanh thu bán thành phẩm và cung cấp dịch vụ

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	557.272.070.422	581.117.824.614
Doanh thu duy tu	525.909.111.671	475.056.557.272
Doanh thu công trình ngoài	31.362.958.751	106.061.267.342
Các khoản giảm trừ doanh thu	-	-
Doanh thu thuần	557.272.070.422	581.117.824.614

5.22 Giá vốn hàng bán

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Giá vốn duy tu	423.796.321.530	376.898.606.097
Giá vốn công trình ngoài	29.049.870.183	100.014.803.234
Tổng	452.846.191.713	476.913.409.331

5.23 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	2.213.724.241	1.939.972.071
Tổng	2.213.724.241	1.939.972.071

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.24 Chi phí tài chính

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lãi tiền vay	1.273.454.530	7.074.583.908
Tổng	1.273.454.530	7.074.583.908

5.25 Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nhân viên quản lý	29.001.525.942	26.726.233.716
Chi phí nhiên liệu, vật liệu quản lý	72.480.340	398.809.049
Chi phí công cụ, đồ dùng văn phòng	3.764.481.461	1.059.364.546
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.437.961.630	4.209.053.681
Thuế khác, phí và lệ phí	3.861.409.927	936.645.152
Chi phí dự phòng	6.188.665.780	18.886.209.637
Chi phí dịch vụ mua ngoài	23.258.223.468	28.352.091.164
Chi phí bằng tiền khác	10.974.876.040	-
Tổng	80.559.624.588	80.568.406.945

5.26 Thu nhập/Chi phí khác

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
<i>Thu nhập khác</i>		
Thu hoàn tiền bảo hiểm	3.856.000	57.464.580
Xử lý công nợ	-	5.200.200
Bán hồ sơ thầu	5.909.521	3.636.364
Các khoản khác	-	200.000
Tổng	9.765.521	66.501.144
<i>Chi phí khác</i>		
Các khoản bị phạt	777.660.458	22.300.230
Các khoản khác	78.805.103	-
Tổng	856.465.561	22.300.230
Lợi nhuận khác	(846.700.040)	44.200.914

5.27 Chi phí Thuế thu nhập hiện hành

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	23.959.823.792	18.545.597.415
<i>Điều chỉnh tăng lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>856.465.561</i>	<i>83.387.886</i>
<i>Chi phí không hợp lý hợp lệ</i>	<i>167.552.175</i>	<i>61.087.656</i>
<i>Chi phí phạt thuế</i>	<i>688.913.386</i>	<i>22.300.230</i>
<i>Điều chỉnh giảm lợi nhuận trước thuế:</i>	<i>-</i>	<i>-</i>
Thu nhập chịu thuế	24.816.289.353	18.628.985.301
Thu nhập chịu thuế suất 20%	24.816.289.353	18.628.985.301
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	4.963.257.871	3.725.797.060
Chi phí thuế TNDN theo thuế suất 20%	4.963.257.871	3.725.797.060
Thuế TNDN hiện hành	4.963.257.871	3.725.797.060

CÔNG TY TNHH MTV THOÁT NƯỚC ĐÔ THỊ THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Bảo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2020

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH TỔNG HỢP (TIẾP THEO)

Mẫu B 09 - DN

5.28 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2020 VND	Năm 2019 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	102.808.522.561	92.317.828.885
Chi phí nhân công	283.343.415.192	256.464.027.454
Chi phí khấu hao tài sản cố định	12.104.263.836	14.918.789.897
Chi phí dịch vụ mua ngoài	83.129.813.378	110.004.041.477
Chi phí khác bằng tiền	61.014.832.649	66.712.309.955
Tổng	542.400.847.616	540.416.997.668

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Giao dịch và số dư với các bên liên quan****Thu nhập của nhân sự chủ chốt**

<u>Bên liên quan</u>	<u>Tính chất giao dịch</u>	Năm 2020 (VND)	Năm 2019 (VND)
Thu nhập Hội đồng thành viên, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng	Thu nhập lương, thưởng, thù lao và các lợi ích khác	2.160.410.000	2.675.152.190
Thù lao Ban kiểm soát		-	412.785.000
Tổng		2.160.410.000	3.406.000.612

6.2 Cam kết thuê hoạt động

Cam kết thuê hoạt động được thể hiện ở các khoản thanh toán tiền thuê nhà và thuê đất theo các hợp đồng như sau:

- Hợp đồng thuê nhà số 506/HĐ-TNĐT ngày 11/5/2016 của Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Phú Mỹ, thời hạn thuê 05 năm kể từ thời điểm ký hợp đồng và sẽ tiếp tục gia hạn thời gian thuê, bắt đầu thuê từ ngày 01/6/2016 với mức giá thuê thay đổi theo thời gian, đơn giá thuê trong 02 năm đầu đã bao gồm thuế GTGT là 720.000.000 VND/180 ngày.
- Hợp đồng thuê nhà số 124/HĐTN-QLKDN-KD ngày 12 tháng 07 năm 2018 của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM, thời hạn thuê được gia hạn theo từng năm, bắt đầu thuê từ ngày 01/7/2018 với mức giá thuê thay đổi theo thời gian. Căn cứ theo Phụ lục số 23/PLĐC-QLKDN-KD ngày 28/02/2018, thời hạn thuê được gia hạn từ ngày 01/01/2018 đến 30/6/2018, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 261.000.000 VND/tháng.
- Hợp đồng thuê nhà số 130/HĐTN-KD ngày 09/4/2013 của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM, thời hạn thuê từ 01/01/2013 đến 31/12/2015. Căn cứ theo Phụ lục số 49/PLĐC-QLKDN-KD ngày 02/3/2018, thời hạn thuê được gia hạn từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2018, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 15.000.000 VND/tháng.
- Hợp đồng thuê nhà số 131/HĐTN-KD ngày 09 tháng 04 năm 2013 của Công ty TNHH MTV Quản lý Kinh doanh nhà TP.HCM, thời hạn thuê từ 01/01/2013 đến 31/12/2015, với mức giá thuê thay đổi theo thời gian. Căn cứ theo Phụ lục số 50/PLĐC-QLKDN-KD ngày 02/3/2016, thời hạn thuê được gia hạn từ ngày 01/01/2016 đến 31/12/2018, đơn giá thuê đã bao gồm thuế GTGT là 16.000.000 VND/tháng.

6.2 Cam kết thuê hoạt động (Tiếp theo)

- Hợp đồng thuê đất số 1517/HĐ-TNMT ngày 14/3/2014 với Ủy ban Nhân dân Tp. Hồ Chí Minh về việc thuê 1.716 m² đất để xây dựng Văn phòng, thời hạn thuê đất hàng năm cho đến khi Nhà nước thực hiện quy hoạch, hợp đồng này được gia hạn trong từng năm kế tiếp nếu Nhà nước không có quyết định điều chỉnh, thu hồi đất. Đơn giá thuê đất là 178.200 VND/m²/năm, giá thuê áp dụng trong 5 năm kể từ ngày 15/8/2010, sau đó đơn giá thuê đất sẽ được điều chỉnh từng lần theo thông báo của Sở Tài chính và Cục thuế thành phố. Theo Phụ lục số 4467/PLHĐ-STNMT-QLĐ ngày 10/5/2018, của Cục thuế Tp.HCM, từ ngày 16/8/2015 đến ngày 15/8/2020, đơn giá thuê đất điều chỉnh là 842.688 VND/m²/năm.

6.3 Thông tin so sánh

Thông tin so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2019 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên khác.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2021

Người lập

Phụ trách kế toán

Phó Giám đốc



Phạm Quốc Long

Nguyễn Công Hưng

Nguyễn Hữu Phán